

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V.

#### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

- Nhà thầu được đánh giá là **đạt** khi: đáp ứng tất cả các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Nhà thầu được đánh giá là **không đạt** khi: không đáp ứng một trong các yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	<b>Năng lực tài chính, kinh nghiệm nhà thầu</b>		
	(Nhà thầu nộp Giấy phép thành lập và hoạt động, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán và các tài liệu khác liên quan để cung cấp thông tin chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của nhà thầu)		
1.1	Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm	Nhà thầu phải có giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh bảo hiểm do Bộ Tài chính cấp. Trong đó có nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).
1.2	Vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 31/12/2024	- Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp phép trước ngày 01 /01/2023: vốn chủ sở hữu tối thiểu 300 tỷ đồng. - Đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đã được cấp phép kể từ ngày 01/01/2023: vốn chủ sở hữu tối thiểu 400 tỷ đồng. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1.3	Kết quả hoạt động tài chính tính đến thời điểm 31/12/2024	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. <i>Trường hợp liên danh từng thành viên liên danh phải thỏa mãn yêu cầu.</i>	Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu này (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).
<b>2</b>	<b>Phạm vi bảo hiểm</b>		
2.1	Phạm vi bảo hiểm	Đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Mục 3.1, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không đáp ứng đầy đủ các nội dung theo yêu cầu tại Mục 3.1, Chương V Phần 2 E-HSMT.
2.2	Bảng chào phí bảo hiểm	Có Bảng chào phí bảo hiểm đầy đủ những nội dung như Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không có Bản chào phí bảo hiểm hoặc có nhưng không đầy đủ nội dung theo quy định tại Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
2.3	Phí bảo hiểm	Theo quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không theo quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
2.4	Mức khấu trừ	Theo quy định tại Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.	Không theo quy định Nghị định 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 và Mục 3.2, Chương V, Phần 2 E-HSMT.
<b>3</b>	<p><b>Chương trình tái bảo hiểm</b></p> <p>- Trong trường hợp nhà thầu giữ lại 100% giá trị tài sản bảo hiểm, nhà thầu không cần kê khai nội dung tại các điểm 3.1, 3.2 và 3.3 bên dưới này nhưng phải kèm theo thuyết minh cụ thể về chương trình thu xếp giữ lại của mình cho gói thầu, đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>+ Mức giữ lại của nhà thầu <math>\leq 10\%</math> vốn chủ sở hữu của nhà thầu tính đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>+ Trường hợp liên danh thì mức giữ lại của liên danh <math>\leq 10\%</math> vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh tính đến thời điểm đóng thầu.</p>		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3.1	<p>Chương trình tái bảo hiểm</p> <p>3.1.1. Nêu chi tiết tên từng nhà tái bảo hiểm (có chức năng theo quy định của pháp luật) và tỷ lệ tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm.</p> <p>+ Nếu sử dụng nhà tái bảo hiểm trong nước thì nộp kèm Giấy phép thành lập và hoạt động của doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm đáp ứng như quy định Điều 11, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023.</p> <p>+ Nếu sử dụng nhà tái bảo hiểm nước ngoài thì nộp kèm tài liệu đáp ứng quy định Điều 33, Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023.</p> <p>3.1.2. Hình thức tái bảo hiểm (tái bảo hiểm tạm thời / tái bảo hiểm cố định).</p> <p>3.1.3. Nêu tỷ lệ giữ lại của nhà thầu <b>cho gói thầu này</b> (Nhà thầu phải đảm bảo mức giữ lại đáp ứng <math>\leq 10\%</math> vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 33, Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023. Trường hợp liên danh thì mức giữ lại của liên danh <math>\leq 10\%</math> vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh).</p> <p>3.1.4. Thu xếp đủ 100% mức trách nhiệm của gói thầu</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung).

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
3.2	<p>- Sử dụng tái bảo hiểm tạm thời: Có bản chào tái bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm đứng đầu thực hiện tái bảo hiểm (bản gốc/bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ) theo đúng Chương trình tái bảo hiểm đã trình bày trong E-HSDT cho gói thầu (theo đúng tên nhà thầu, tỷ lệ tái bảo hiểm, mức giữ lại...). Hiệu lực của bản chào tái bảo hiểm tối thiểu bằng hiệu lực của E-HSDT, hoặc:</p> <p>- Sử dụng hợp đồng tái bảo hiểm cố định: Có bản thỏa thuận hoặc hợp đồng tái bảo hiểm cố định với nhà tái bảo hiểm hoặc bản xác nhận của nhà tái bảo hiểm (bản gốc/bản chụp có chứng thực hoặc công chứng hợp lệ) đối với hợp đồng tái bảo hiểm (nêu rõ thời gian tái bảo hiểm, giá trị tái bảo hiểm)</p> <p>Trường hợp liên danh thì mỗi thành viên liên danh phải cung cấp thỏa thuận hoặc hợp đồng hoặc bản xác nhận hợp đồng như nêu trên.</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
3.3	<p>Bản cam kết về việc:</p> <p>(i) Thực hiện tái bảo hiểm theo đúng yêu cầu tái bảo hiểm đã trình bày trong E-HSDT cho gói thầu (theo đúng tên nhà thầu, tỷ lệ tái bảo hiểm, mức giữ lại, xếp hạng, ...)</p> <p>(ii) Chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu không thực hiện tái bảo hiểm theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSDT.</p>	Đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
<b>4</b>	<b>Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường</b>		
4.1	<p>Quy trình tổ chức thực hiện gói thầu, phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy trình rõ ràng, phù hợp với yêu cầu gói thầu.</li> <li>- Sơ đồ thể hiện quy trình.</li> <li>- Sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các bên liên quan: Người mua bảo hiểm (Người được bảo hiểm) – Công ty bảo hiểm – Công ty giám định độc lập</li> <li>- Gia hạn hiệu lực hợp đồng khi có yêu cầu của Người được bảo hiểm.</li> </ul>	Có đầy đủ theo yêu cầu	Không có hoặc có nhưng không đầy đủ theo yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
4.2	Hướng dẫn phương thức, biểu mẫu, hồ sơ thủ tục giải quyết khiếu nại, đòi bồi thường cho khách hàng (liên quan đến quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm)	Có đề xuất đáp ứng đầy đủ	Không có đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không đầy đủ các nội dung yêu cầu (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
4.3	Thời hạn giải quyết bồi thường kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường đầy đủ và hợp lệ	≤ 30 ngày	> 30 ngày
4.4	Thời hạn hoàn thành giám định và có kết luận cuối cùng về tổn thất (kể từ ngày nhận được thông báo tổn thất công trình xây dựng)	≤ 15 ngày	> 15 ngày
4.5	Đề xuất công ty giám định độc lập có năng lực phù hợp cho gói thầu.	≥ 03 Công ty giám định độc lập	< 03 công ty giám định độc lập
4.6	Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất xảy ra	≥ 50% giá trị tổn thất ước tính	< 50% giá trị tổn thất ước tính
<b>5</b>	<b>Cam kết thực hiện hợp đồng</b>		

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	Cam kết thực hiện hợp đồng bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc cho gói thầu phù hợp với các quy định với Luật kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022; Nghị định 46/2023/NĐ-CP ngày 01/7/2023; Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023, Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 02/11/2023 và các quy định pháp luật hiện hành	Có cam kết đầy đủ theo yêu cầu	Không có cam kết (sau khi đã được yêu cầu làm rõ, bổ sung)
<b>6</b>	<b>Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu</b>		
	Do EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC(*) đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu. (Thời điểm đánh giá phải đáp ứng tối thiểu sau 20 ngày kể từ ngày đăng tải trên hệ thống hệ thống mạng, nếu có)	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hoặc có ít hơn 03 hợp đồng vi phạm dịch vụ bảo hiểm	Trong vòng 36 tháng tính đến tháng có thời điểm đóng thầu, nhà thầu có từ 03 hợp đồng trở lên vi phạm dịch vụ bảo hiểm
<b>KẾT LUẬN</b>		Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo	

- (\*) EVNCPC và các đơn vị thành viên EVNCPC bao gồm:

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Viết tắt</b>
1	Tổng công ty Điện lực miền Trung	EVNCPC
2	Công ty Điện lực Quảng Trị	QTPC
3	Công ty Điện lực Huế	HPC
4	Công ty Điện lực Đà Nẵng	DNPC
5	Công ty Điện lực Quảng Ngãi	QNPC
6	Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	KHoPC
7	Công ty Điện lực Khánh Hòa	KHPC
8	Công ty Điện lực Gia Lai	GLPC
9	Công ty Điện lực Đắk Lắk	ĐLPC
10	Công ty Tư vấn điện miền Trung	CPCPEC
11	Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Trung	ETC
12	Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Trung	CPCIT
13	Ban Quản lý dự án lưới điện miền Trung	CPCNPMU
14	Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung	CPSC
15	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	PC3-INVEST
16	Trung tâm sản xuất thiết bị đo điện tử Điện lực miền Trung	CPCEMEC
17	Trung tâm chăm sóc khách hàng Điện lực miền Trung	CPCCC
18	Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung	CEPC

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Đánh giá theo phương pháp giá thấp nhất.*

- Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);
- Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Tiêu chuẩn đánh giá khác**

Sau bước đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III, trường hợp có nhiều nhà thầu trở lên có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và bằng nhau thì việc xếp hạng nhà thầu sẽ được xác định trên cơ sở thứ tự ưu tiên sau:

**1. Ưu tiên 1:** Chủ đầu tư xử lý tình huống theo khoản 18, Điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

*(Trường hợp giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) đạt giới hạn được phép giảm phí bảo hiểm theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 thì Chủ đầu tư không áp dụng điểm g và h, khoản 18, Điều 140, Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025)*

Sau đánh giá Ưu tiên 1, nếu không có nhà thầu nào đáp ứng các điều kiện ưu tiên trao thầu thì các nhà thầu được đánh giá theo Ưu tiên 2. Trường hợp có các nhà thầu đáp ứng Ưu tiên 1 nhưng không xác định được nhà thầu để trao thầu thì chỉ các nhà thầu đáp ứng Ưu tiên 1 được đánh giá theo Ưu tiên 2.

**2. Ưu tiên 2:** Nhà thầu chào điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất xảy ra cao hơn được xếp hạng cao hơn.

Sau đánh giá Ưu tiên 2, nếu không lựa chọn được một nhà thầu xếp hạng cao nhất, thì các nhà thầu cùng mức sau đánh giá Ưu tiên 2 được đánh giá theo Ưu tiên 3.

**3. Ưu tiên 3:** Nhà thầu chào chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất (theo quy định tại mục 3.3, Chương V, Phần 2, E-HSMT) với tổng điểm ưu tiên quy đổi cao hơn được xếp hạng cao hơn.

Sau khi đánh giá Ưu tiên 3, nếu không lựa chọn được một nhà thầu xếp hạng cao nhất, thì các nhà thầu cùng mức đánh giá Ưu tiên 3 được đánh giá theo Ưu tiên 4.

**4. Ưu tiên 4:** Nhà thầu có dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của năm gần nhất cao hơn được xếp hạng cao hơn. Trường hợp liên danh, chỉ xét thành viên đứng đầu liên danh.